

Số: 2053/SLĐTBXH-VL  
V/v đơn đốc thực hiện công tác  
an toàn lao động, vệ sinh lao động

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 11 năm 2016

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Tổng công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện Công văn số 5800/UBND-VX1 ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổng công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sau:

### **I. Đối với UBND các huyện, thành phố, thị xã**

1. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền phổ biến Luật ATVSLĐ, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của bộ, ngành về công tác ATVSLĐ và triển khai thực hiện có hiệu quả Tháng hành động ATVSLĐ (từ ngày 01 đến 30 tháng 5 hàng năm);

2. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc thực hiện công tác ATVSLĐ nhằm kịp thời bổ cứu và hướng dẫn các đơn vị khắc phục những tồn tại, hạn chế; đồng thời phát hiện và xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm (mỗi năm các huyện, thành phố, thị xã phải tổ chức được ít nhất 02 đợt kiểm tra);

3. Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã báo cáo khai trình việc sử dụng lao động theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ nộp về Phòng Lao động - TBXH cấp huyện;

4. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng lao động của các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn theo mẫu số 06 và 08 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tình hình tai nạn xảy ra trên địa bàn theo phụ lục số XVI ban hành kèm theo Nghị định số 39/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn vệ sinh lao động gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (có mẫu báo cáo gửi kèm).

## **II. Đối với các Tổng công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã**

1. Thành lập phòng, ban hoặc bộ phận làm công tác ATVSLĐ, phân công trách nhiệm cho các thành viên thực hiện công tác ATVSLĐ theo quy định tại Điều 36, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ cụ thể:

1.1. Đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề khai khoáng, sản xuất than cốc, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất hóa chất, sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim, thi công công trình xây dựng, đóng và sửa chữa tàu biển, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, người sử dụng lao động phải tổ chức bộ phận ATVSLĐ bảo đảm các yêu cầu tối thiểu sau đây:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng dưới 50 người lao động phải bố trí ít nhất 01 người làm công tác ATVSLĐ theo chế độ bán chuyên trách;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 50 đến dưới 300 người lao động phải bố trí ít nhất 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 300 đến dưới 1.000 người lao động, phải bố trí ít nhất 02 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng sử dụng trên 1.000 người lao động phải thành lập Phòng ATVSLĐ hoặc bố trí ít nhất 03 người làm công tác ATVSLĐ theo chế độ chuyên trách.

1.2. Đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề khác với lĩnh vực, ngành nghề trên, người sử dụng lao động phải tổ chức bộ phận ATVSLĐ tại cơ sở bảo đảm các yêu cầu tối thiểu:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng dưới 300 người lao động, phải bố trí ít nhất 01 người làm công tác ATVSLĐ theo chế độ bán chuyên trách;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 300 đến dưới 1.000 người lao động, phải bố trí ít nhất 01 người phụ trách ATVSLĐ theo chế độ chuyên trách;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng sử dụng trên 1.000 người lao động, phải thành lập phòng ATVSLĐ hoặc bố trí ít nhất 2 người làm công tác ATVSLĐ theo chế độ chuyên trách.

2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác bảo hộ lao động theo hướng dẫn tại Điều 76, Luật An toàn vệ sinh lao động với nội dung chính như sau:

- a) Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ;
- b) Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động;
- c) Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- d) Chăm sóc sức khỏe lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp.
- e) Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động.

### 3. Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động

#### 3.1. Đối tượng tổ chức huấn luyện, bao gồm 06 nhóm

##### a) Nhóm 1:

- Đối tượng huấn luyện, bao gồm:

+ Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương;

+ Cấp phó của người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Thời gian huấn luyện:

+ Huấn luyện lần đầu ít nhất 16 giờ

+ Huấn luyện định kỳ ít nhất 8 giờ (02 năm huấn luyện một lần).

##### b) Nhóm 2:

- Đối tượng huấn luyện, bao gồm:

+ Chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động của cơ sở;

+ Người trực tiếp giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Thời gian huấn luyện:

+ Huấn luyện lần đầu ít nhất 48 giờ

+ huấn luyện định kỳ ít nhất 24 giờ (02 năm huấn luyện một lần)

##### c) Nhóm 3:

- Đối tượng huấn luyện, bao gồm: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là người làm công việc thuộc Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16/6/2016.

- Thời gian huấn luyện:

+ Huấn luyện lần đầu ít nhất 24 giờ

+ Huấn luyện định kỳ ít nhất 12 giờ (2 năm huấn luyện một lần).

##### d) Nhóm 4:

- Đối tượng huấn luyện: Là người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5 bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.

- Thời gian huấn luyện:

+ Huấn luyện lần đầu ít nhất 16 giờ

+ Huấn luyện định kỳ ít nhất 8 giờ (01 năm huấn luyện một lần)

đ) Nhóm 5:

- Đối tượng huấn luyện: Là người làm công tác y tế.

- Thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất là 56 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra. Trong đó, thời gian huấn luyện cấp Chứng chỉ chứng nhận chuyên môn y tế lao động ít nhất là 40 giờ, nội dung huấn luyện cấp giấy chứng nhận an toàn, vệ sinh lao động ít nhất là 16 giờ.

- Người làm công tác y tế được người sử dụng lao động bố trí thời gian tham gia các cuộc họp, hội nghị và giao dịch với cơ quan y tế địa phương hoặc y tế bộ, ngành để nâng cao nghiệp vụ và phối hợp công tác.

e) Nhóm 6:

- Đối tượng huấn luyện: Là an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại Điều 74 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

- Ngoài những nội dung huấn luyện ATVSLĐ theo quy định nếu thuộc các nhóm trên, nhóm 6 còn được huấn luyện bổ sung về kỹ năng và phương pháp hoạt động của an toàn, vệ sinh viên, thời gian huấn luyện thêm là 04 giờ.

3.2. Đơn vị tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, bao gồm:

a) Đối với đơn vị tổ chức huấn luyện (do Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp phép) được tổ chức huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ cho các nhóm đối tượng 1, 2, 4, 5, 6 và cấp Thẻ an toàn đối với lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thuộc nhóm 3 sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu;

b) Đối với doanh nghiệp nếu đủ điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất theo quy định tại Điều 22, Điều 26, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ thì được phép tổ chức huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ cho các nhóm 1, 2, 4, 5, 6 và cấp Thẻ an toàn đối với lao động theo hợp đồng thuộc nhóm 3 sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu.

Trường hợp nếu doanh nghiệp không đủ điều kiện để tự tổ chức huấn luyện thì phối hợp Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh hoặc đơn vị dịch vụ huấn luyện ATVSLĐ được Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp phép để tổ chức huấn luyện ATVSLĐ.

4. Thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền tương ứng theo các mức sau: mức 1: 10.000 đồng, mức 2: 15.000 đồng, mức 3: 20.000 đồng, mức 4: 25.000 đồng (Lưu ý: Các đơn vị, doanh nghiệp không được thực hiện bồi dưỡng hiện vật bằng tiền);

5. Hợp đồng với Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh, Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, cấp huyện hoặc các cơ sở y tế có đủ chức năng để khám sức khỏe định kỳ;

khám, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế.

6. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Lưu ý:** Hồ sơ minh chứng bao gồm kế hoạch trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; hợp đồng cung ứng, hóa đơn mua hàng; lưu giữ danh sách ký nhận phương tiện bảo vệ cá nhân.

7. Thực hiện khai báo với Sở Lao động Thương binh và Xã hội các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trước khi đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.

8. Khai báo, điều tra tai nạn lao động theo đúng quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ và Thông tư số 08/2016/BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đối với các vụ tai nạn lao động nhẹ hoặc tai nạn lao động nặng làm 01 người bị thương. Khi xảy ra tai nạn người lao động, người quản lý trực tiếp phải báo ngay cho người sử dụng lao động, đồng thời thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động của đơn vị để tổ chức điều tra.

Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động gồm: Giám đốc làm trưởng đoàn, đại diện công đoàn, cán bộ phụ trách công tác ATVSLĐ, cán bộ y tế cơ sở, tổ trưởng sản xuất làm thành viên;

- Đối với các vụ tai nạn lao động làm chết người hoặc các vụ tai nạn lao động có từ 02 người bị thương nặng trở lên. Khi xảy ra tai nạn thì đơn vị để xảy ra tai nạn lao động phải khai báo bằng cách nhanh nhất với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan công an cấp huyện nơi xảy ra tai nạn lao động. Đối với những vụ tai nạn thuộc nhóm này, do Đoàn điều tra cấp tỉnh tiến hành điều tra.

Thành phần đoàn gồm: Đại diện Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm trưởng đoàn, đại diện các sở, ngành: Y tế, Liên đoàn Lao động tỉnh làm thành viên và một số thành viên khác nếu xét thấy cần thiết.

- Riêng đối với lao động tự do không có hợp đồng lao động:

+ Ngay sau khi biết sự việc người lao động bị chết hoặc bị thương nặng do tai nạn lao động, gia đình nạn nhân hoặc người phát hiện có trách nhiệm khai báo ngay với UBND xã, phường, thị trấn nơi xảy ra tai nạn lao động;

+ Khi nhận được tin xảy ra tai nạn lao động làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên, UBND cấp xã, nơi xảy ra tai nạn phải báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Công an cấp huyện;

- Hồ sơ theo dõi TNLD gồm: Giấy khai báo TNLD, Quyết định thành lập đoàn điều tra TNLD, Biên bản lấy lời khai, Biên bản điều tra tai nạn lao động, Biên bản họp công bố kết quả điều tra TNLD, Sổ thống kê TNLD, kết quả bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động.

9. Xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đặt cơ sở sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để theo dõi, kiểm tra theo quy định tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.

10. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất đối với cơ quan quản lý nhà nước.

10.1. Báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm về công tác ATVSLĐ theo phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có mẫu kèm theo).

10.2. Báo cáo về tình hình tai nạn lao động theo phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định 39/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn vệ sinh lao động (có mẫu kèm theo).

**Lưu ý:** Trường hợp đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã không để xảy ra tai nạn lao động thì cũng phải thực hiện báo cáo (ghi rõ không có tai nạn lao động).

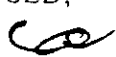
10.3. Báo cáo về tình hình sử dụng lao động

- Báo cáo khai trình việc sử dụng lao động khi bắt đầu tổ chức hoạt động theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có mẫu kèm theo).

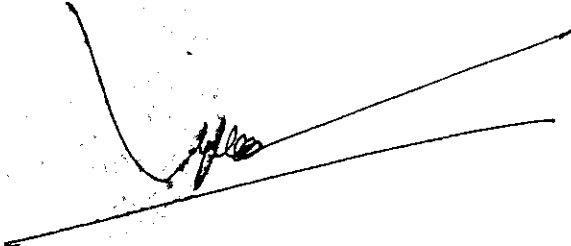
- Báo cáo tình hình thay đổi về lao động theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có mẫu kèm theo);

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổng công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn liên hệ trực tiếp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn (Điện thoại liên hệ: 0393.859 075)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ LĐ-TBXH (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ngành liên quan;
- Phòng LĐTBXH các huyện, thành phố, thị xã;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở LĐTBXH;
- Các đơn vị huân luyện ATVSLĐ;
- Các cơ sở Y tế trên địa bàn: 
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trí Lạc

TÊN DOANH NGHIỆP:

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày ... tháng ... năm .....

**KHAI TRÌNH VIỆC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG KHI BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG**

(Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Kính gửi:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận/huyện/thị xã/thành phố...

Doanh nghiệp được thành lập theo ..... có trụ sở tại ..... bắt đầu hoạt động kể từ ngày.../.../....

**Loại hình doanh nghiệp:** (Doanh nghiệp tư nhân, Công ty hợp danh, Công ty TNHH một thành viên, Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty CP)

Khai trình việc sử dụng lao động của đơn vị như sau:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại hợp đồng lao động			Vị trí việc làm	Thời điểm bắt đầu làm việc	Đôi tượng khác	Ghi chú
			Nam	Nữ	Đại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1																	
2																	
...																	
	Tổng		x	x	x	X	x	x	X	x	x	x	x				

Ghi chú:

- Trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đặt tại địa phương nào thì báo cáo địa phương đó
- Cột 17 ghi những người giữ các chức danh được bổ nhiệm trong doanh nghiệp

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

Số: /.....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO**  
**VỀ VIỆC KHAI TRÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

(Báo cáo 6 tháng, báo cáo năm Mẫu số 06, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - TBXH)  
(Báo cáo 6 tháng trước ngày 25/5 hàng năm, báo cáo năm trước ngày 25/11 hàng năm)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị: người

TT	Loại hình doanh nghiệp	Tổng số lao động		Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại hợp đồng lao động			Đối tượng khác	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó lao động nữ	Đại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Đạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Doanh nghiệp tư nhân													
2	Công ty hợp danh													
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên													
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên													
5	Công ty cổ phần													
	Tổng	X	X	X	x	X	X	X	X	X	x	x	X	

Ghi chú: Cột 14 ghi những người giữ các chức danh được bổ nhiệm trong doanh nghiệp

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)



Số: /.....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THAY ĐỔI LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

(Báo cáo 6 tháng, báo cáo năm Mẫu số 08, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - TBXH)  
(Báo cáo 6 tháng trước ngày 25/5 hàng năm, báo cáo năm trước ngày 25/11 hàng năm)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh

**I. Số lao động đầu kỳ**

*Đơn vị: người*

Stt	Loại hình doanh nghiệp	Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật					Loại hợp đồng lao động				Ghi chú
				Đại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Doanh nghiệp tư nhân												
2	Công ty hợp danh												
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên												
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên												
5	Công ty cổ phần												
	Tổng	X	x	x	x	X	X	X	x	x	x	X	



3	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên																	
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên																	
5	Công ty cổ phần																	
	Tổng	X	x	x	x	X	x	X	x	X	x	X	x	X	x	x	x	x

IV. Số lao động cuối kỳ

Stt	Loại hình doanh nghiệp	Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại hợp đồng lao động				Ghi chú
				Đại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Đạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
1	Doanh nghiệp tư nhân													
2	Công ty hợp danh													
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên													
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên													
5	Công ty cổ phần													
	Tổng	x	x	x	x	X	x	X	x	x	x	X		

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**  
**LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN**

(Mẫu báo cáo 6 tháng, báo cáo năm Phụ lục XVI, ban hành kèm theo  
Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)  
(Báo cáo 6 tháng trước ngày 5/7 hàng năm, báo cáo năm trước ngày 10/01 năm sau)

Ngày báo cáo: .....

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh

Tên chỉ tiêu thống kê	Phân loại TNLD theo mức độ thương tật										
	Số vụ (Vu)			Số người bị nạn (Người)							
	Tổng số	Số vụ có người chết	Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên	Tổng số		Số LĐ nữ		Số người chết		Số người bị thương nặng	
				Tổng số	Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động <sup>2</sup>	Tổng số	Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động <sup>2</sup>	Tổng số	Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động <sup>2</sup>	Tổng số	Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động <sup>2</sup>
Phân theo nghề nghiệp <sup>1</sup>											
1											
2											
...											
Tổng số											

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ...**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

<sup>2</sup> Số người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động bị tai nạn lao động tại nơi làm việc của người sử dụng lao động trên địa bàn.

ĐỊA PHƯƠNG: .....  
DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ: .....  
Số: ...../BC-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày .... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

(Mẫu báo cáo năm Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT- BLĐTBXH  
ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội )  
(Báo cáo trước ngày 10/01 năm tiếp theo)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh

Tên đơn vị<sup>1</sup>: .....

Ngành nghề sản xuất kinh doanh<sup>2</sup>: .....

Loại hình<sup>3</sup>: .....

Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý<sup>4</sup>: .....

Địa chỉ: (Số nhà, đường phố, quận, huyện, thị xã) .....

Điện thoại: .....

TT	Các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo	ĐVT	Số liệu
<b>A</b>	<b>Báo cáo chung</b>		
1	Lao động		
	1.1. Tổng số lao động	Người	
	- Trong đó:		
	+ Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Người	
	+ Người làm công tác y tế	Người	
	+ Lao động nữ	Người	
	+ Lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV, V, VI)	Người	
	+ Lao động là người chưa thành niên	Người	
	+ Người dưới 15 tuổi	Người	
	+ Người khuyết tật	Người	
+ Lao động là người cao tuổi	Người		
2	Tai nạn lao động		
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	
	+ Trong đó, số vụ có người chết	Vụ	
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	
	+ Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Tr.đồng	
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Tr.đồng	
- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày		
3	Bệnh nghề nghiệp		
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	
	Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	

	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Tr.đồng	
4	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+Loại I	Người	
	+ Loại II	Người	
	+ Loại III	Người	
	+ Loại IV	Người	
	+ Loại V	Người	
5	Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động		
	a) Tổng số người nhóm 1 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 1 hiện có	Người/ người	
	b) Tổng số người nhóm 2 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 2 hiện có	Người/ người	
	c) Tổng số người nhóm 3 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 3 hiện có	Người/ người	
	Trong đó:		
	- Tự huấn luyện	Người	
	- Thuê tổ chức cung cấp dịch vụ huấn luyện	Người	
	d) Tổng số người nhóm 4 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 4 hiện có	Người/ người	
	đ) Tổng số người nhóm 5 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 5 hiện có	Người/ người	
e) Tổng số người nhóm 6 được huấn luyện/tổng số người nhóm 6 hiện có	Người/ người		
g) Tổng chi phí huấn luyện	Tr.đồng		
6	Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động		
	- Tổng số	Cái	
	- Trong đó:		
	+ Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ đang được sử dụng	Cái	
	+ Số đã được kiểm định	Cái	
	+ Số chưa được kiểm định	Cái	
	+ Số đã được khai báo	Cái	
+ Số chưa được khai báo	Cái		
7	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi		
	- Tổng số người làm thêm trong năm	Người	
	- Tổng số giờ làm thêm trong năm	Giờ	
	- Số giờ làm thêm cao nhất trong 01 tháng	Giờ	
8	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật		
	- Tổng số người	Người	
	- Tổng chi phí (Chi phí này nằm trong Chi phí chăm sóc sức khỏe nêu tại Điểm 10)	Tr.đồng	
9	Tình hình quan trắc môi trường lao động		

	- Số mẫu quan trắc môi trường lao động	Mẫu			
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn	Mẫu			
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép/Tổng số mẫu đo + Nhiệt độ + Bụi + Ôn + Rung + Hơi khí độc + ...	Mẫu/mẫu			
10	Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động				
	- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Tr.đồng			
	- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	Tr.đồng			
	- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	Tr.đồng			
	- Chăm sóc sức khỏe người lao động	Tr.đồng			
	- Tuyên truyền, huấn luyện	Tr.đồng			
	- Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	Tr.đồng			
	- Chi khác	Tr.đồng			
11	Tổ chức cung cấp dịch vụ: a) Dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động được thuê theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	Tên tổ chức			
	b) Dịch vụ về y tế được thuê theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	Tên tổ chức			
12	Thời điểm tổ chức tiến hành đánh giá định kỳ nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	Tháng, năm			
13	Đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định tại Điều 7 Nghị định 39/2016/NĐ-CP	Có/Không			
	Nếu có đánh giá thì: a) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được nhận diện trong kỳ đánh giá	Yếu tố			
	b) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được cải thiện trong năm	Yếu tố			
<b>B</b>	<b>Kết quả đánh giá lần đầu nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh<sup>5</sup> (nếu có)</b>				
<b>TT</b>	Các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được nhận diện	Mức độ nghiêm trọng	Biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại	Người/ bộ phận thực hiện các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại	Thời gian thực hiện các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại
1					
2					

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

- Tên (1) và ngành nghề kinh doanh (2): Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Loại hình doanh nghiệp (3): Ghi theo đối tượng áp dụng của Thông tư này, cụ thể:

o Doanh nghiệp nhà nước

o Công ty Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty TNHH 01 thành viên

o Công ty cổ phần/Công ty cổ phần trên 51% vốn thuộc sở hữu Nhà nước

o Doanh nghiệp tư nhân

o Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/Công ty 100% vốn nước ngoài

o Công ty hợp danh

o Hợp tác xã ...

o Khác

- Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý (4):

o Ghi tên Công ty mẹ hoặc tập đoàn kinh tế, nếu là doanh nghiệp thành viên trong nhóm công ty;

o Ghi tên Tổng Công ty, nếu là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty;

o Ghi tên Sở, Ban, Ngành, nếu trực thuộc Sở Ban ngành tại địa phương;

o Ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ quản, nếu trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ;

o Không ghi gì nếu không thuộc các loại hình trên.





bảo vệ cá nhân hoặc phương tiện bảo vệ cá nhân không tốt									
Tổ chức lao động chưa hợp lý									
Chưa huấn luyện hoặc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chưa đầy đủ									
Không có quy trình an toàn hoặc biện pháp làm việc an toàn									
Điều kiện làm việc không tốt									
<b>b. Do người lao động</b>									
Vi phạm nội quy, quy trình, quy chuẩn, biện pháp làm việc an toàn									
Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân									
<b>c. Khách quan khó tránh/ Nguyên nhân chưa kể đến</b>									
<b>1. 2. Phân theo yếu tố gây chấn thương<sup>5</sup></b>									
...									
<b>1.3. Phân theo nghề nghiệp<sup>6</sup></b>									
....									
<b>2. Tai nạn được hưởng trợ cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật ATVSLĐ</b>					X	X	X	X	
<b>3. Tổng số (3=1+2)</b>									

**II. Thiệt hại do tai nạn lao động**

Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động (kể cả ngày nghỉ chế độ)	Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ)				Thiệt hại tài sản (1.000 đ)
	Tổng số	Khoản chi cụ thể của cơ sở			
		Y tế	Trả lương trong thời gian điều trị	Bồi thường /Trợ cấp	
1	2	3	4	5	6

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

---

<sup>1</sup> Ghi mã số theo Danh mục đơn vị hành chính do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

<sup>2</sup> Ghi tên, mã số theo danh mục và mã số các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành trong báo cáo thống kê.

<sup>3</sup> Ghi tên ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

<sup>4</sup> Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động.

<sup>5</sup> Ghi tên và mã số theo danh mục yếu tố gây chấn thương.

<sup>6</sup> Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

TÊN DOANH NGHIỆP:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỀ LAO ĐỘNG**

(Báo cáo 6 tháng, báo cáo năm theo Mẫu số 07, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động - TBXH)

(Báo cáo 6 tháng trước ngày 25/5 hàng năm, báo cáo năm trước ngày 25/11 hàng năm)

Kính gửi:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận/huyện/thị xã/thành phố...

**Loại hình doanh nghiệp:** (DNTN, Công ty hợp danh, Công ty TNHH một thành viên, Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần)

Báo cáo tình hình thay đổi về lao động của đơn vị như sau:

**I. Số lao động đầu kỳ**

Đơn vị: người

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại hợp đồng lao động			Ghi chú
		Đại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Đạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng	
x	X	x	X	X	X	x	X	x	X	X	

**II. Số lao động tăng trong kỳ**

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại hợp đồng lao động			Ghi chú
		Đại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Đạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng	
x	X	x	X	X	X	x	X	x	X	X	

### III. Số lao động giảm trong kỳ

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại hợp đồng lao động			Lý do giảm				
		Dại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng	Nghỉ hưu	Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động/Hợp đồng làm việc	Kỷ luật sa thải	Thỏa thuận chấm dứt	Lý do khác
x	x	X	x	X	x	X	X	x	x	X	x	X	x	x	x

### IV. Số lao động cuối kỳ

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại hợp đồng lao động			Ghi chú
		Dại học trở lên	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	Trung cấp/ Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng	
x	X	X	X	X	X	x	X	x	X	X	

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)